

Số: 33

Ngày 25/8/2025

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 33 có các nội dung đáng chú ý sau:

- [Luật số 77/2025/QH15](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- [Nghị định số 230/2025/NĐ-CP](#) quy định các trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 [Luật Đất đai](#) năm 2024.
- [Nghị định 226/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành [Luật Đất đai](#).
- Văn bản dự thảo: Nghị định quy định chi tiết một số điều của [Luật Bảo vệ bí mật nhà nước](#) (sửa đổi).
- Mục Giải đáp pháp luật: [Nghị định số 170/2025/NĐ-CP](#) về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI

1. LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT (SỬA ĐỔI) TRAO QUYỀN CHO DOANH NGHIỆP VÀ ĐỊA PHƯƠNG

[Luật số 70/2025/QH15](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, quy định cụ thể, rõ ràng hơn về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Theo đó, tiêu chuẩn là công cụ tự nguyện, định hướng thị trường, khuyến khích đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Quy chuẩn kỹ thuật là công cụ quản lý bắt buộc, nhằm đảm bảo các yếu tố thiết yếu như an toàn, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường và quyền lợi người tiêu dùng.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội.

Luật cũng đơn giản hóa thủ tục khi cho phép miễn thực hiện công bố hợp quy với sản phẩm, hàng hóa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản lý chất lượng theo quy định của luật khác tương ứng với yêu cầu kỹ thuật tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Tổ chức, cá nhân đăng ký bản công bố hợp quy qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Luật sửa đổi cũng tạo hành lang pháp lý minh bạch cho các hoạt động đánh giá sự phù hợp, bao gồm thử

nghiệm, giám định, chứng nhận hợp chuẩn - hợp quy và công bố hợp chuẩn - hợp quy.

Lần đầu tiên, Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia được luật hóa. Đây là công cụ định hướng tổng thể, dài hạn cho hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, nhằm phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia đồng bộ, hiện đại, tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Luật cũng chú trọng đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa quản trị tiêu chuẩn - quy chuẩn với quy định về việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đây là nền tảng số thống nhất, hiện đại, tích hợp dữ liệu liên quan, phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin hỗ trợ tổ chức, cá nhân.

Ngoài ra, Luật mở rộng hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp, đặc biệt là việc ký kết các hiệp định thừa nhận lẫn nhau giúp giảm chi phí kiểm định lặp lại, tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam gia nhập thị trường quốc tế, thúc đẩy xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

2. KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Ngày 18/6/2025, Quốc hội đã thông qua [Luật sửa đổi, bổ sung một](#)

số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa với nhiều nội dung quan trọng nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, phân loại sản phẩm, hàng hóa theo 3 loại là sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro thấp, trung bình, cao. Tiêu chí đánh giá rủi ro gồm: mức độ tác động đến sức khỏe, môi trường, khả năng kiểm soát chuỗi cung ứng và cảnh báo từ tổ chức quốc tế.

Luật cũng bổ sung quy định về hồ chiếu số của sản phẩm, là tập hợp các thông tin về sản phẩm và chuỗi cung ứng của sản phẩm đó, được lưu trữ bằng mã vạch hoặc các phương thức phù hợp hoặc thông qua cơ sở dữ liệu thông tin bằng đường dẫn, bảo đảm có thể đọc được.

Một trong những nội dung đáng chú ý của Luật là yêu cầu công khai xuất xứ đối với hàng hóa kinh doanh trên nền tảng số hoặc sàn thương mại điện tử, gồm các thông tin: Tên hàng hóa, xuất xứ, tên tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa; dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy; hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn (nếu có). Bên cạnh đó, chủ quản các nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử còn phải thiết lập và vận hành hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại của người tiêu dùng; phối hợp với cơ quan chức năng trong việc xử lý vi phạm liên quan đến chất lượng hàng hóa.

Luật cũng quy định việc đầu tư và phát triển hệ thống chất lượng quốc gia. Hạ tầng chất lượng quốc gia là bộ phận cấu thành của kết cấu hạ

tầng kinh tế - xã hội, bao gồm các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận và các chính sách, quy định có liên quan về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia gắn với định hướng phát triển bền vững, chuyển đổi số.

3. LUẬT NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

Luật Năng lượng nguyên tử được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025 nhằm đảm bảo việc sử dụng năng lượng nguyên tử an toàn, hiệu quả, hướng đến mục tiêu phát triển năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Luật gồm 73 điều, chia thành 8 chương, quy định về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; an toàn bức xạ, an toàn và an ninh hạt nhân; nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân bồi thường thiệt hại bức xạ, thiệt hại hạt nhân; thanh sát hạt nhân và quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Một trong những điểm đáng chú ý trong Luật là Nhà nước bảo đảm ngân sách cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; xây dựng và vận hành mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia; đầu tư xây dựng địa điểm lưu giữ, xử lý, chôn cất chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng

và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng cấp quốc gia.

Luật dành một chương riêng để quản lý toàn bộ vòng đời của nhà máy điện hạt nhân - từ khảo sát địa điểm, thiết kế, xây dựng, vận hành, giám sát an toàn và bảo đảm an ninh cho đến ngừng hoạt động, tháo dỡ. Các quy định này được xây dựng tuân thủ nguyên tắc, yêu cầu của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế và quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân và thanh sát hạt nhân.

Một chương riêng về thanh sát hạt nhân lần đầu được đưa vào Luật, thể hiện cam kết sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, phù hợp với điều ước về không phổ biến vũ khí hạt nhân và thanh sát hạt nhân mà Việt Nam là thành viên.

Luật cũng đặt trọng tâm chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu về năng lượng nguyên tử, tạo lập hạ tầng số cho các hoạt động cấp phép, giám sát, thanh tra, báo cáo và kiểm soát xuất nhập khẩu vật liệu hạt nhân. Nhà nước thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, bảo đảm công khai, minh bạch, liên thông, đồng bộ và kịp thời trong việc thu thập, xử lý, khai thác và chia sẻ thông tin, dữ liệu. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử có trách nhiệm cung cấp, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu trên Nền tảng số về an toàn

bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử. Nhà nước bảo đảm nguồn lực để đầu tư, xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

4. CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Ngày 18/6/2025, Quốc hội đã ban hành [Luật số 77/2025/QH15](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả](#). Các nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung chủ yếu tới nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; quản lý, phát triển đối với tổ chức dịch vụ năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo nhân lực; chính sách ưu đãi, công cụ hỗ trợ tài chính; chuyển đổi thị trường và quản lý hiệu suất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng; phân cấp, phân quyền...

Đáng lưu ý, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, tỉnh, thành phố và cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Tỉnh, thành phố căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm.

Luật nêu rõ, tăng cường đầu tư, sử dụng đa dạng hình thức huy động nguồn lực để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ nâng cao năng suất, chất lượng tiên tiến về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát

triển năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển những ngành, nghề, lĩnh vực tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường biện pháp kiểm soát đối với những ngành, nghề, lĩnh vực có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên.

Khuyến khích, hỗ trợ phát triển dịch vụ năng lượng. Đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tổ chức chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là kiểm toán

viên năng lượng và người quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức cung cấp năng lượng do Nhà nước quản lý hoặc ủy quyền.

Nguồn lực để thực hiện hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Luật cũng quy định chặt hơn đối với việc quản lý cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và mở rộng đối tượng dán nhãn năng lượng.

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

5. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRONG CÔNG TÁC ĐẤU THẦU

Ngày 15/8/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 225/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành [Luật Đấu thầu](#) về lựa chọn nhà đầu tư.

Nghị định này sửa đổi [Nghị định số 23/2024/NĐ-CP](#) và Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

Về bên mời quan tâm, ngoài Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, Nghị định bổ sung Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan khác được pháp luật quản lý ngành quy định.

Nghị định miễn trừ điều kiện bảo đảm cạnh tranh đối với hai trường hợp đặc biệt. Cụ thể, đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2a Điều 34 của [Luật Đấu thầu](#), dự án áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 34a của [Luật Đấu thầu](#), nhà đầu tư không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 [Điều 4 Nghị định 23/2024/NĐ-CP](#).

Về ưu đãi cho nhà đầu tư, Nghị định bổ sung các ưu đãi cho nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi

mới sáng tạo và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nhà đầu tư nước ngoài có cam kết chuyển giao công nghệ cho đối tác trong nước cũng được hưởng ưu đãi khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

Nghị định cũng bỏ quy định đánh giá kinh nghiệm đối với nhà đầu tư; sửa đổi quy định về dự án áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; sửa đổi quy trình lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; bổ sung dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư và bổ sung quy trình chỉ định nhà đầu tư.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

6. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

[Nghị định 226/2025/NĐ-CP](#) được Chính phủ ban hành ngày 15/8/2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, trong đó sửa đổi, bổ sung một số quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Nghị định bổ sung quy định về xử lý trường hợp đã có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án mà có sự thay đổi về quy hoạch, mốc giới, hướng tuyến. Cụ thể, trong thời gian xây dựng mà đã ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai đối với thửa đất hoặc một phần diện tích của thửa đất nhưng có sự thay đổi về quy hoạch, mốc giới, hướng tuyến nên chỉ sử dụng một phần diện tích đất đã thu hồi để xây dựng dự án, công trình và hành lang bảo vệ an toàn dự án, công trình thì

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho phù hợp với tình hình thực tế theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc của người sử dụng đất.

Quy định về bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi cũng được bổ sung vào Nghị định. Trường hợp bồi thường đối với cây lâu năm là loại cho thu hoạch nhiều lần mà không xác định được sản lượng vườn cây còn chưa thu hoạch tương ứng với số năm còn lại trong chu kỳ thu hoạch, mức bồi thường được tính bằng giá trị thiệt hại thực tế của vườn cây. Khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi mà chưa có quy trình sản xuất cây trồng, vật nuôi được cấp có thẩm quyền ban hành thì căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để ban hành.

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở.

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định phê duyệt chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/08/2025.

7. GIẢM 30% TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP CỦA NĂM 2025 ĐỐI VỚI MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG

Ngày 19/08/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 230/2025/NĐ-CP](#) quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 [Luật Đất đai năm 2024](#).

Nghị định này quy định giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 đối với người sử dụng đất theo quy định tại [Điều 4 Luật Đất đai](#) năm 2024 đang được Nhà nước cho thuê đất dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm (bao gồm cả trường hợp có và chưa có giấy tờ pháp lý về đất đai nhưng đang sử dụng đất mà phải nộp tiền thuê đất năm 2025 theo quy định và trường hợp người sử dụng đất đang sử dụng đất nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai).

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp người sử dụng đất không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất hoặc hết thời hạn được miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người sử dụng đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Mức giảm tiền thuê đất của năm 2025 được tính trên số tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 theo Thông báo thu tiền thuê đất hoặc được tính theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất trong trường hợp chưa có thông báo thu tiền thuê đất. Không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2025 và tiền chậm nộp. Trường hợp người

sử dụng đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất thì mức giảm tiền thuê đất được tính trên số tiền thuê đất phải nộp sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật.

Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giảm tiền thuê đất của năm 2025, chủ đầu tư được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất phải thực hiện phân bổ số tiền thuê đất được giảm của diện tích đất đã được chủ đầu tư cho thuê lại theo quy định tại [khoản 6 Điều 202](#) Luật Đất đai năm 2024.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục giảm tiền thuê đất của năm 2025 được quy định tại Điều 6 của Nghị định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19/8/2025.

8. QUY ĐỊNH VỀ TẠM SỬ DỤNG RỪNG ĐỂ THI CÔNG CÁC DỰ ÁN CẦN THIẾT

Chính phủ ban hành [Nghị định số 227/2025/NĐ-CP](#) ngày 16/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định [số 156/2018/NĐ-CP](#) ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của [Luật Lâm nghiệp](#).

Nghị định quy định chi tiết hơn việc sử dụng rừng để thực hiện thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhưng không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối

với diện tích tạm sử dụng rừng. Những dự án được tạm sử dụng rừng, gồm dự án được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Các dự án được tạm sử dụng rừng còn có dự án phục vụ quốc phòng, an ninh; dự án khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; dự án đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ; dự án nguồn điện, lưới điện nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; dự án cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; dự án cấp thiết về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu; dự án tôn tạo di tích cách mạng, di tích lịch sử - văn hóa là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt...

Các dự án được tạm sử dụng rừng phải có phương án tạm sử dụng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp rừng trồng là rừng sản xuất thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Chỉ cho phép tạm sử dụng rừng trong trường hợp dự án bắt buộc phải sử dụng trên diện tích có rừng do không thể bố trí trên diện tích đất khác, hạn chế tối đa diện tích tạm sử dụng rừng và chặt hạ cây rừng. Diện tích tạm sử dụng rừng phải được điều tra, đánh giá về hiện trạng, trữ lượng, tác động của việc tạm sử dụng rừng đối với hệ sinh thái rừng.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

9. CHUẨN HÓA KỸ THUẬT PHẦN MỀM KÝ SỐ, KIỂM TRA CHỮ KÝ SỐ

Không tạm sử dụng rừng trong khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, phạm vi diện tích rừng có các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm; không lợi dụng việc tạm sử dụng rừng để chặt, phá rừng, săn bắt động vật rừng, khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản trái quy định pháp luật, hợp thức hóa gỗ và lâm sản khai thác trái pháp luật; không đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; không xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên, hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.

Thời gian tạm sử dụng rừng phải được xác định rõ trong văn bản đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng; không vượt quá thời gian thực hiện dự án. Việc trồng lại rừng được thực hiện ngay trong mùa vụ trồng rừng gần nhất tại địa phương nhưng không quá 12 tháng tính từ thời gian kết thúc tạm sử dụng rừng đã được xác định trong Phương án tạm sử dụng rừng.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và công kết nối dịch vụ chúng

thực chữ ký số công cộng được quy định tại [Thông tư 15/2025/TT-BKHCN](#) ngày 15/8/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thông tư đặt ra các yêu cầu kỹ thuật cao hơn, chặt chẽ hơn đối với các phần mềm ký số và kiểm tra chữ ký số nhằm bảo đảm giá trị pháp lý của văn bản điện tử, bảo vệ quyền lợi của người dùng và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế số.

Theo đó, một trong những yêu cầu quan trọng của phần mềm ký số là chức năng kiểm tra hiệu lực của chứng thư chữ ký số trước khi cho phép người dùng thực hiện ký số. Phần mềm cũng phải hỗ trợ gắn dấu thời gian khi cần thiết và đảm bảo tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu sau khi ký. Phần mềm kiểm tra chữ ký số sẽ kiểm tra chữ ký số theo một "đường dẫn tin cậy", bảo đảm chứng thư số của người ký có liên kết đến chứng thư chữ ký số gốc của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia hoặc thuộc Danh sách tin cậy chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam. Đặc biệt, phần mềm phải hiển thị thông báo kết quả kiểm tra hợp lệ hay không hợp lệ bằng tiếng Việt, cùng các

thông tin chi tiết về người ký, thời điểm ký và tính toàn vẹn của dữ liệu.

Thông tư cũng cập nhật các chuẩn quốc tế như quy định độ dài khóa tối thiểu, khuyến nghị áp dụng một số tiêu chuẩn của quốc tế cho phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số.

Đối với phần mềm kiểm tra chữ ký số cần có các chức năng sau: Kiểm tra tính hợp lệ của chữ ký số trên thông điệp dữ liệu; lưu trữ và hủy bỏ các thông tin kèm theo thông điệp dữ liệu ký số; thay đổi (thêm, bớt) chứng thư chữ ký số của cơ quan, tổ chức tạo lập, cấp, phát hành chứng thư chữ ký số; thông báo bằng chữ hoặc ký hiệu việc kiểm tra tính hợp lệ của chữ ký số là hợp lệ hay không hợp lệ.

Một điểm mới quan trọng của Thông tư là việc ra mắt Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Cổng eSign) do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng theo quy định tại Điều 44, Nghị định [số 23/2025/NĐ-CP](#) ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH GỬI, NHẬN VĂN BẢN ĐIỆN TỬ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo tinh thần [Nghị quyết số 57-NQ/TW](#), [Nghị quyết số 66-NQ/TW](#), phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước

trong giai đoạn hiện nay, Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (sửa đổi).

Dự thảo Nghị định quy định về xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước; sao, chụp, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật

nhà nước; địa điểm tổ chức, phương án bảo vệ và sử dụng phương tiện, thiết bị tại hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước và phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước.

Dự thảo bổ sung quy định về gửi, nhận văn bản chứa nội dung bí mật nhà nước trên môi trường điện tử theo hướng được đăng ký bằng cơ sở dữ liệu trên máy tính không nối mạng Internet, mạng viễn thông, trách nhiệm của bên gửi, bên nhận; loại trừ trường hợp giao nhận tài liệu bí mật nhà nước trên môi trường điện tử thì không phải ký nhận tại sổ chuyển giao bí mật nhà nước.

Quy định về gia hạn thời hạn bảo vệ, điều chỉnh độ mật, giải mật văn bản điện tử bí mật nhà nước cũng được bổ sung vào dự thảo Nghị định. Theo đó, thẩm quyền, trình tự, thủ tục gia hạn thời hạn bảo vệ, điều chỉnh độ mật, giải mật văn bản điện tử bí mật nhà nước thực hiện tương tự văn bản giấy. Sau khi được người có thẩm quyền quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ, điều chỉnh độ mật, giải mật thì cơ quan, tổ chức tạo dấu gia hạn thời hạn bảo vệ, điều chỉnh độ mật, giải mật và ghi cụ thể thời gian trên các dấu tương ứng được tạo trên văn bản điện tử bí mật nhà nước.

Trường hợp gửi, nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước trên mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập trong phạm vi trụ sở cơ quan, tổ chức) phải đảm bảo 04 điều kiện.

Cụ thể, văn bản điện tử bí mật nhà nước phải được mã hóa, giải mã nội dung tệp tin bằng mật mã cơ yếu; máy tính dùng để gửi, nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước không được nối mạng Internet, mạng viễn thông, trừ trường hợp thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu. Văn bản phải được ký, đóng dấu điện tử bằng chữ ký số của cơ quan, tổ chức. Bên gửi có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, bảo đảm văn bản điện tử bí mật nhà nước được gửi đến đúng bên nhận. Khi có văn bản điện tử bí mật nhà nước đến, bên nhận có trách nhiệm kiểm tra số lượng văn bản, số trang của mỗi văn bản, tài liệu đính kèm (nếu có) trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản. Trường hợp phát hiện sai sót, không bảo đảm yêu cầu quy định, bên nhận phải kịp thời phản hồi thông qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản để bên gửi biết, xử lý theo quy định hoặc báo cáo người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức bên nhận xem xét, giải quyết.

2. DỰ THẢO QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CHIẾT KHẤU CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Thông tư quy định về hoạt động chiết khấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Theo dự thảo Thông tư, chiết khấu là hình thức cấp tín dụng thông qua việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của bên thụ hưởng trước khi đến hạn

thanh toán. Giá chiết khấu do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận trên cơ sở giá trị thanh toán khi đến hạn thanh toán, mức độ rủi ro của công cụ chuyển nhượng, giá trị giấy tờ có giá khác, lãi suất chiết khấu, thời hạn còn lại của công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác và các yếu tố khác.

Khi khách hàng có nhu cầu chiết khấu, tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng số tiền chiết khấu khả thi, mục đích sử dụng số tiền chiết khấu hợp pháp và khả năng thanh toán của công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác; tài liệu, dữ liệu chứng minh công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác có đủ điều kiện chiết khấu; thông tin người có liên quan của khách hàng; tài liệu, dữ liệu khác do tổ chức tín dụng hướng dẫn. Tổ chức tín dụng thẩm định đánh giá mục đích sử dụng số tiền chiết khấu, khả năng tài chính của khách hàng và khả năng thanh toán của công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác để ra quyết định thực hiện hoạt động chiết khấu. Khi tổ chức tín dụng chấp thuận chiết khấu cho khách hàng,

khách hàng chuyển giao ngay và thực hiện các thủ tục về chuyển nhượng công cụ chuyển nhượng, chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá khác cho tổ chức tín dụng. Trường hợp chiết khấu theo phương thức mua có kỳ hạn, khi khách hàng hoàn thành nghĩa vụ cam kết mua lại công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác, tổ chức tín dụng chuyển giao ngay và thực hiện các thủ tục về chuyển nhượng công cụ chuyển nhượng, chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá khác cho khách hàng.

Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đối với trường hợp số tiền chiết khấu bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên số tiền chiết khấu bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất do tổ chức tín dụng thỏa thuận với khách hàng nhưng không vượt quá 150% lãi suất chiết khấu trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Những trường hợp nào thực hiện xét tuyển công chức?

Trả lời: Ngày 30/6/2025, Chính phủ ban hành [Nghị định số 170/2025/NĐ-CP](#) quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Theo [Điều 5](#) Nghị định này, việc tuyển dụng công chức thông qua hình thức xét tuyển do cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau đây:

- Người cam kết tình nguyện làm việc từ đủ 05 năm trở lên ở vùng có

điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học.

- Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng thuộc đối tượng thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng.

2. Hỏi: Các điều kiện trúng tuyển kỳ thi công chức?

Trả lời: Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định [tại khoản 1 Điều 10](#) của Nghị định 170/2025/NĐ-CP:

- Có kết quả điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành đạt từ 50 điểm trở lên. Trường hợp thi kết hợp viết và phỏng vấn thì phải dự thi đủ cả 02 bài thi (viết và phỏng vấn) và có kết quả đạt từ 50% trở lên điểm tối đa của mỗi bài thi;

- Có kết quả điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành cộng với điểm ưu tiên quy định tại [Điều 6](#) Nghị định 170/2025/NĐ-CP (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm, kể cả đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau.

3. Hỏi: Các trường hợp không thực hiện điều động công chức?

Trả lời: Theo [khoản 5 Điều 25](#) của Nghị định 170/2025/NĐ-CP, các trường hợp sau không thực hiện điều động công chức:

- Công chức đang trong quá trình bị xem xét, xử lý kỷ luật;

- Công chức đang bị khởi tố, điều tra hoặc có liên quan đến các cuộc thanh tra, kiểm tra;

- Công chức đang trong quá trình điều trị bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế;

- Công chức đang tham gia học tập dài hạn hoặc đang được cử đi biệt phái theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Công chức nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc công chức nam (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp có nguyện vọng được điều động;

- Công chức có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, được người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức xác nhận, trừ trường hợp có nguyện vọng được điều động;

- Các trường hợp khác do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền điều động quyết định tùy thuộc vào từng tình huống cụ thể.

4. Hỏi: Công chức được biệt phái trong thời gian bao lâu?

Trả lời: Căn cứ [khoản 2 Điều 26](#) của Nghị định 170/2025/NĐ-CP, thời gian biệt phái công chức không quá 03 năm, trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Khi hết thời gian biệt phái thì cơ quan, tổ chức cử công chức biệt phái phải xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với công chức./.